

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/DS-ST
Ngày: 16-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Dân.
2. Ông Nguyễn Tấn Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 03 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trương Văn L**, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B2, xã A, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Bà **Lê Hiếu N**, sinh năm 1994 (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Thanh N**, sinh năm 1990 (vắng mặt, có đơn yêu cầu).

Cùng địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2020 và trình bày của nguyên đơn ông Trương Văn L, vụ án có nội dung được tóm tắt như sau:

Bà Lê Hiếu N làm chủ hội tại nhà ở ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và ông là thành viên tham gia hội. Trong quá trình tham gia hội 1.000.000 đồng mở

ngày 10/4/2017 tại, bà N thông báo ngưng hội, cụ thể: Hội có 47 phần, ông tham gia 02 phần nhưng hội chỉ mở được 20 kỳ thì ngưng, ông đã đóng đủ 20 kỳ với số tiền vốn là 28.500.000 đồng. Bà N có làm biên nhận thừa nhận nợ ông số tiền hội là 40.000.000 đồng và thỏa thuận trả dần nhưng chỉ trả được 1.000.000 đồng thì ngưng, ông khởi kiện yêu cầu bà N và ông N phải trả tiền vốn là 39.000.000 đồng.

Quá trình làm việc và tại phiên tòa, ông thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bà N và ông N phải trả tiền hội là 28.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn Lê Hiếu N có ý kiến trình bày:

Trước đây bà có làm chủ hội, ông L có tham gia 02 phần hội trong đây hội 1.000.000 đồng mở ngày 10/4/2017 tại. Hội có 47 phần và mở hội được 20 kỳ thì ngưng, bởi vì người chơi có nhu cầu hốt hội bỏ lãi quá cao nên khi bà không chế lãi, người chơi không đồng ý, dẫn đến việc ngưng hội. Sau khi hội ngưng, bà thu tiền hội chết nhưng một số đã bỏ địa phương, một số góp tiền không đủ nên không có khả năng giao tiền cho người chơi chưa hốt hội. Đối với yêu cầu của ông L, bà đồng ý trả tiền vốn là 28.500.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, ông N không tham gia hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh N vắng mặt nhưng khi Tòa án ghi lời khai, ông có ý kiến như sau:

Ông không đồng ý trả tiền hội theo yêu cầu của ông L, do ông không biết tiền hội này và vợ chồng xài tiền riêng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bà N và ông N liên đới hoàn trả cho nguyên đơn tiền hội là 28.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng hội đối với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án dân sự và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất và ông N có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: Đối với thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông L về yêu cầu bà N và ông N trả tiền hội từ 39.000.000 đồng xuống 28.500.000 đồng là không vượt

quá phạm vi khởi kiện ban đầu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận.

[2.1] Bà N thừa nhận ông L có tham gia 02 phần của dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 10/4/2017 và đã đóng đủ 20 kỳ với số tiền vốn là 28.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định lời thừa nhận trên của bị đơn là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Xét thấy, thỏa thuận giao dịch về tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự giữa các đương sự là trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nhưng quá trình hoạt động bà N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của chủ hụi (họ), nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoàn trả tiền vốn 28.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị đơn N đồng ý hoàn trả số tiền vốn theo yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về nghĩa vụ liên đới: Theo trình bày của bà N và ông N, hai người có mối quan hệ là vợ chồng, sinh hoạt chung, ổn định tại ấp C, thị trấn H, có con chung và trong quá trình mở hụi ông N có thu tiền hụi của hụi viên. Đối với ý kiến của ông N về việc ông không tham gia vào hoạt động làm chủ hụi của vợ và hai vợ chồng sử dụng tiền riêng, vấn đề này không có chứng cứ chứng minh. Trong khi với mối quan hệ của hai người, cùng với việc ông N biết bà N làm chủ hụi và không phản đối việc làm của vợ, bản thân ông còn tham gia thu tiền hụi đã xác định việc làm chủ hụi là của hai vợ chồng nên theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định được khoản tiền 28.500.000 đồng phải trả cho ông L là nghĩa vụ chung của bà N và ông N.

[2.3] Về lãi suất: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, theo quy định bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[4] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 288; Điều 468; Điều 471 Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng hối đối với bị đơn Lê Hiếu N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thanh N.

Buộc bị đơn Lê Hiếu N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thanh N phải liên đới trả cho ông Trương Văn L số tiền 28.500.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bị đơn Lê Hiếu N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thanh N phải liên đới chịu tiền án phí là 1.425.000 đồng.

Nguyên đơn ông Trương Văn L không phải chịu án phí và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 975.000 đồng theo biên lai thu số 0009980 ngày 04/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Trần Thị Thanh Mai